

Bản án: 23/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20/3/2018

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L X

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Bích Tuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tường Vi.

2. Ông Trần Hùng Bích.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 634/2017/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2017 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2018/QĐST- HNGĐ, ngày 27 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1/Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1973; (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 4, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

2/Bị đơn: Anh Nguyễn Văn E, sinh năm 1970; (vắng mặt)

HKTT: Số 8, khóm B, phường B, thành phố L X, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh E là do quen biết nhau sống như vợ chồng từ năm 1990, hôn nhân lần thứ nhất của cả hai và không tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn. Sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, anh E thường xuyên

không quan tâm đến vợ con chỉ lo ăn nhậu và bạo hành gia đình, chị cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay nhận thấy không thể đoàn tụ, nếu tiếp tục chung sống không hạnh phúc nên chị Trần Thị H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn E.

- Về quan hệ con chung: Chị H và anh E có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 08/8/1991 và Nguyễn Công T, sinh ngày 09/12/1996. Các con hiện nay đã trưởng thành, có cuộc sống riêng.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có.

*** Trong quá trình tố tụng bị đơn anh Nguyễn Văn E không có văn bản trình bày ý kiến.**

- *Tại phiên tòa:*

Anh Nguyễn Văn E vắng mặt. Nguyên đơn chị Trần Thị H có nộ cho Tòa án về việc xác nhận nơi cư trú của anh Nguyễn Văn E và được công an phường B xác nhận ngày 15/11/2017 để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là ly hôn với anh E. Riêng anh Nguyễn Văn E đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn E theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên đã thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Toàn bộ quá trình tố tụng giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng anh E không có văn bản trình bày ý kiến, không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, không có yêu cầu Tòa án giải quyết, không tranh chấp các vấn đề có liên quan trong vụ án, nên Hội đồng xét xử không xét đến. Căn cứ Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017; khoản 5 Điều 177, Điều 179, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn E theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và Nguyễn Văn E chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 cho đến nay, tuy đã có đủ điều kiện kết hôn nhưng vẫn chưa đăng ký kết hôn. Như vậy, hôn nhân giữa chị Trần Thị H và Nguyễn Văn E đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét đến mâu thuẫn, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ như chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị H và Nguyễn Văn E.

[3] Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 08/8/1991 và cháu Nguyễn Công T, sinh ngày 09/12/1996 hiện nay đã trưởng thành và có khả năng lao động và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày không có. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] Về án phí:

Chị Trần Thị H phải chịu án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

Xử vắng mặt anh Nguyễn Văn E.

[1] Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn E.

[2] Về con chung: Chị Trần Thị H và Nguyễn Văn E có 02 (hai) con chung Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 08/8/1991 và Nguyễn Công T, sinh ngày

09/12/1996, hiện nay đã trưởng thành, đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003670, ngày 15/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX.

[5] Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của anh Nguyễn Văn E được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (01);
- VKSND TP.L X (02);
- THADS Tp.L X (01);
- Các đương sự;
- Lưu VP (01);

Lê Huỳnh Bích Tuyên